

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA H'DRAI
TỈNH KON TUM
Bản án số: 03/2022/HS-ST
Ngày: 14/9/2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA H'DRAI TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phú Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Quang và bà Hồ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia H'Drai tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Việt Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử hình sự, Tòa án nhân dân huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2022/TLST-HS ngày 25/8/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 03/2022/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

- Lê Văn Đ , tên gọi khác: Không; Sinh ngày 10/04/1974 tại ĐN; Nơi ĐKKHKT: Tổ 2, phường T, thành phố K, tỉnh K; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 08/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê S, sinh năm 1940 (đã chết) và bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1942, hiện sống tại: Tổ 2, phường T, thành phố K, tỉnh K; Có vợ là Trần Thị Thu T, sinh năm 1975, trú tại Tổ 7, phường T, thành phố K, tỉnh K. Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2012. Gia đình bị cáo có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ 05 trong gia đình. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 23/12/2004, Lê Văn Đ bị TAND tỉnh Gia Lai xử phạt 06 (sáu) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, nộp 50.000đ án phí HSST, buộc bồi thường 22.000.000đ, nộp 1.100.000đ án phí DSST; ngày 15/3/2005 bị Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng tuyên không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên mức án, buộc bị cáo nộp 50.000đ án phí HSPT. Năm 2007 được đặc xá tha tù trước thời hạn theo Quyết định số 1216 ngày 22/10/2007 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đặc xá tha tù trước thời hạn. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính và các nghĩa vụ khác vào năm 2007. Tính đến thời điểm phạm tội mới (tháng 2/2021) bị cáo đương nhiên được xóa án tích nên không bị xem là có tiền án; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/04/2022 đến ngày 12/7/2022 được thay thế bằng biện pháp “*Bảo lĩnh*” - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Anh Vũ Đình S, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Thôn I, xã I,

huyện I, tỉnh K. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Hoàng Thanh T, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn 1, xã I, huyện I, tỉnh G. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 10/9/2022.)

2. Anh Lê Văn N, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Thôn T, TT. I, huyện I, tỉnh G. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 07/9/2022).

3. Anh Hà Anh Quyền, sinh năm 1985. Nơi cư trú: xã I, huyện I, tỉnh G. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 06/9/2022).

4. Chị Nguyễn Thị Hoàng N, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn I, xã I, huyện I, tỉnh K. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 08/9/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 02/2021, Lê Văn Đ, sinh ngày: 10/4/1974, trú tại Tổ 2 - phường T, thành phố K, tỉnh k đã đến nhà và gọi điện cho anh Vũ Đình S, sinh năm 1984, trú tại Thôn I, xã I, huyện I, tỉnh K để mượn xe máy dùng làm phương tiện đi lại trên địa bàn huyện I và hứa khoảng 01 (một) tuần sau sẽ trả. Do không có mặt ở nhà nên S đã gọi điện cho vợ (chưa đăng kí kết hôn) là chị Nguyễn Thị Hoàng N, sinh năm 1982 đang ở nhà và bảo đưa xe máy biển số 93E1-136.49, nhãn hiệu Honda Future màu đỏ đen do S đứng tên chủ sở hữu (tài sản riêng của S) cho Đ mượn. Lúc này Đ tiếp tục hỏi mượn luôn giấy tờ xe với lý do sợ bị công an hỏi giấy tờ khi lưu thông thì S cũng đồng ý và nói vợ đưa cho Đ. Sau khi mượn được xe và giấy tờ xe thì khoảng vài ngày sau, Đ có việc cá nhân nên đã đi xe máy của S về nhà tại P. T, Tp. T, tỉnh K; khi đi đến đoạn đường thuộc khu vực huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai thì xảy ra va quệt với xe máy của một người dân (không rõ tên tuổi, địa chỉ) và bị yêu cầu bồi thường; do không có tiền để bồi thường nên Đ đã nảy sinh ý định đem xe của Sang đi cầm đồ để lấy tiền chi trả; ngay sau đó Đ đi đến cửa hàng cầm đồ của anh Hoàng Thanh T, sinh năm: 1985, trú tại: Thôn 1, xã I, huyện I, tỉnh G để cầm cố xe và giấy tờ xe; tại đây anh T sau khi nghe Đ nói là xe mới lấy về nên chưa sang tên thì đã đồng ý để Đ cầm cố xe và giấy tờ xe với giá là 8.000.000đ (*tám triệu đồng*) trong thời hạn 01 (một) tháng (*có biên lai*) và đôi bên có thỏa thuận nếu hết thời gian một tháng mà Đ không quay lại lấy xe thì T có toàn quyền sử dụng xe máy trên.

Sau khoảng thời gian hơn một tháng kể từ khi Đ cầm cố xe trên, do không thấy Đ quay lại lấy xe hay đóng lãi dù đã được T thông báo nên T đã liên lạc và bán xe cùng giấy tờ xe cho anh Lê Văn N, sinh năm: 1994, trú tại: thôn T, xã I, huyện I, tỉnh G là chủ cửa hàng xe máy cũ Ngà Lê tại Thị trấn I, huyện I, tỉnh G với giá 9.800.000đ (*chín triệu tám trăm nghìn đồng*). Đến khoảng tháng 04/2021, thì xe trên

đã được bán lại cho anh Hà Anh Q, sinh năm: 1985, trú tại: xã I, huyện I, tỉnh G với giá là 13.500.000đ (*mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*) nhưng do quên biết nên anh Q mới đưa trước cho N 5.000.000đ (*năm triệu đồng*) và lấy xe về trước để làm phương tiện đi lại đồng thời hẹn khi nào trả đủ số tiền còn lại là 8.500.000đ (*tám triệu năm trăm nghìn đồng*) sẽ lấy giấy tờ xe.

Về phía Đ, sau khi có tiền thì đã đưa toàn bộ số tiền cầm cố được cho người xảy ra va quẹt với mình rồi bắt xe đồ về nhà tại K và không nói hay thông báo gì lại với S và cũng không quay lại để đóng lãi hay lấy xe. Đợi mãi nhưng không thấy Đ quay lại trả xe nên S đã nhiều lần gọi điện và tìm cách liên lạc với Đ để đòi lại xe; biết rõ mục đích của S nhưng Đ đã liên tục đưa ra lý do không đúng sự thật để lừa dối S như bị đưa đi cách ly vì dịch Covid, bị công an bắt xe khi đi đánh bạc, bị công an giữ xe và chưa xin ra được...v.v.. và hứa hẹn suông để không phải trả xe và tránh gặp mặt S.

Đến ngày 19/02/2022, khi đang đi trên đường quốc lộ 14C thuộc địa phận thôn Ia Muong, xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum thì S phát hiện xe máy của mình đang lưu thông trên đường nên đã yêu cầu dừng xe và trình báo vụ việc lên Công an xã Ia Dom đề nghị giải quyết. Sau khi tiến hành các hoạt động xác minh ban đầu, Công an xã Ia Dom đã chuyển toàn bộ hồ sơ cùng tài liệu, đồ vật có liên quan đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Ia H'Drai để xử lý theo quy định. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện Ia H'Drai, bị can Lê Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận số 06/2022/KL-HĐĐG, ngày 06/04/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện Ia H'Drai kết luận: Giá trị còn lại của tài sản tại thời điểm tháng 02/2021 là 17.250.000đ (*Mười bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tại Cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 25 tháng 8 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia H'Drai đã truy tố bị cáo Lê Văn Đ về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Kháng định bị cáo Lê Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là phù hợp với lời khai của bị cáo trước đây tại cơ quan điều tra, hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Văn Đ về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Lê Văn Đ từ 16 đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời hạn tạm giam từ 14/04/2022 đến 12/7/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì với bị cáo nên không đề cập.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự. Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Trả 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Future màu đỏ đen biển số 93E1-136.49; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Vũ Đình Sang và 01 (một) bảo hiểm xe máy cho anh Vũ Đình S.

Ngoài ra bị cáo còn phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo khai báo về hành vi phạm tội của mình là đúng với nội dung truy tố của bản Cáo trạng, bị cáo không có khiếu nại gì. Không tự bào chữa cho hành vi của mình và không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Lời khai của người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa đúng với những gì đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Ia H'Drai.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật. Mong Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của bị cáo, và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Ia H'Drai, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên huyện Ia H'Drai trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các anh: Hoàng Thanh T, Lê Văn N, Hà Anh Q và chị Nguyễn Thị Hoàng N vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt và có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án, không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự là có căn cứ.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Do có quen biết với anh Vũ Đình S, sinh năm 1984, trú tại thôn I, xã I, huyện I, tỉnh K nên vào khoảng tháng 2 năm 2021, bị cáo đã mượn một chiếc xe mô tô BKS 93E1-136.49, có trị giá là 17.250.000 đồng (*Mười bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) và giấy tờ xe bao gồm 01 (một) giấy

chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 (một) bảo hiểm xe máy của anh Vũ Đình S để làm phương tiện đi lại trên địa bàn huyện Ia H'Drai và hẹn khoảng một tuần sau sẽ trả lại xe cho anh S. Tuy nhiên, sau khi mượn xe đi được khoảng 03 (ba) ngày thì bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên đã có hành vi mang xe và giấy tờ xe của anh S đi cầm cố tại tiệm của anh Hoàng Thanh T, trú tại: Thôn 1, xã I, huyện I, tỉnh G lấy 8.000.000 đồng để dùng vào việc cá nhân. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lê Văn Đ đã phạm vào tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 BLHS như Cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia H'Drai truy tố bị cáo về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã đủ năng lực hành vi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã lợi dụng lòng tin của chủ sở hữu tài sản để mượn tài sản sử dụng. Sau đó, cầm cố tài sản vì mục đích cá nhân mà không thông báo cho người bị hại, mà còn có thủ đoạn gian dối, liên tục đưa ra nhiều lý do không đúng sự thật, hứa hẹn suông để lừa dối nhằm không phải trả lại xe cho người bị hại. Bị cáo đã từng bị Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai tuyên phạt 06 năm tù về tội "*Cố ý gây thương tích*". Tuy đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mình, mà vẫn tiếp tục phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo với đời sống xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội đồng thời vẫn đảm bảo công tác tuyên truyền, giáo dục, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi do mình gây ra. Người bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, nên xem xét áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Ngoài ra, trong vụ án có anh Hoàng Thanh T là chủ cửa hàng cầm đồ có cầm cố tài sản của bị cáo nhưng hoàn toàn không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, không có thỏa thuận hay hứa hẹn gì với Đ nên Cơ quan CSĐT không xử lý hình sự về hành vi này là có cơ sở. Đối với những người liên quan khác là anh Lê Văn N, anh Hà Anh Q có thực hiện việc mua bán xe nhưng hoàn toàn không liên quan đến hành vi của bị cáo nên không đề cập.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Vũ Đình S chỉ yêu cầu nhận lại xe ngoài ra không yêu cầu gì khác; những người có quyền và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra Cơ quan CSĐT đã xác định và thu giữ vật chứng gồm: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Future màu đỏ đen biển số 93E1-136.49 số khung: 5381EZ062939, số máy: JC54E3099612; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Vũ Đình Sang và 01 (một) bảo hiểm xe máy mang tên Vũ Đình Sang. Đây là tài sản hợp pháp của người bị hại nên tuyên trả lại cho người bị hại là phù hợp.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn Đ phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Đ 16 (*Mười sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời hạn tạm giam từ 14/04/2022 đến 12/7/2022.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Căn cứ khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

Trả 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Future màu đỏ đen biển số 93E1-136.49, số khung: 5381EZ062939, số máy: JC54E3099612; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Vũ Đình Sang và 01 (một) bảo hiểm xe máy mang tên Vũ Đình Sang cho anh Vũ Đình S.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/8/2022 của Công an huyện Ia H’Drai với Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia H’Drai).

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Văn Đ phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/9/2022) bị cáo, người bị hại có quyền làm đơn kháng cáo bản án để xin xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Riêng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại xã (phường) nơi cư trú.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Ia H'Drai;
- Công an huyện Ia H'Drai;
- Chi cục THADS huyện Ia H'Drai;
- Bị cáo; Bị hại;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- UBND phường Trần Hưng Đạo, TP.Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng hồ sơ PV27 Công an tỉnh Kon Tum;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Phú Lợi